

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN

---o0o---



BÀI TẬP LỚN HỌC PHẦN
KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

Đề tài số 14: *“Phân tích quan điểm kinh tế chính trị Mác –
Lênin về các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư? Nêu ý
nghĩa thực tiễn.”*

Giảng viên: ThS. Đồng Thị Tuyền

Nhóm 11

- | | |
|---------------------------------------------|-----------------------|
| 1. Nguyễn Thế Hà Tây (<i>nhóm trưởng</i>) | 6. Lệnh Hoài Thu |
| 2. Nguyễn Danh Thái | 7. Nguyễn Văn Thuyên |
| 3. Dương Tuấn Thành | 8. Vương Thị Thu Thúy |
| 4. Dư Diệu Thảo | 9. Vũ Phương Thùy |
| 5. Nguyễn Đình Thắng | 10. Phí Anh Thư |

Năm học 2021-2022

MỤC LỤC

CHÚ THÍCH.....	2
MỞ ĐẦU.....	3
NỘI DUNG.....	4
1. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối.....	4
2. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối.....	5
3. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư siêu ngạch.....	6
4. Ý nghĩa thực tiễn.....	7
5. Mâu thuẫn giữa LLSX và QHSX trong thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta.....	9
KẾT LUẬN.....	12
THAM KHẢO.....	13

CHÚ THÍCH

QHSX: Quan hệ sản xuất

LLSX: Lực lượng sản xuất

CNXH: Chủ nghĩa xã hội

MỞ ĐẦU

Từ giữa thế kỷ XVII đến nay, các nhà kinh tế chính trị học tư sản đã nghiên cứu về giá trị thặng dư được tạo ra như thế nào. Nhưng “tất cả các nhà kinh tế chính trị học đều phạm phải cái sai lầm là đã không xét giá trị thặng dư dưới dạng thuần túy, với tư cách là giá trị thặng dư mà xét dưới hình thái đặc thù là lợi nhuận và địa tô”. Chỉ đến khi Mác phát hiện ra lý luận giá trị thặng dư thì mọi vấn đề khoa học, bản chất mới được làm sáng tỏ. Học thuyết về giá trị thặng dư là một trong những phát kiến vĩ đại mà C.Mác đã đóng góp cho nhân loại. Có thể nói học thuyết giá trị thặng dư là một phát hiện vĩ đại nhất của Mác ở thế kỷ XIX. Nó là “viên đá tảng” trong toàn bộ học thuyết *giá trị thặng dư* của ông. Cho đến nay học thuyết về giá trị thặng dư của C.Mác vẫn giữ nguyên giá trị và nó cần được phát triển phù hợp với thực tiễn ngày nay.

Giá trị thặng dư tư bản chủ nghĩa (m) là một phần giá trị mới do lao động sống tạo thêm ra ngoài giá trị hàng hoá sức lao động, là lao động không được trả công của người lao động làm thuê. Công thức: $W = c + v + m$. Sản xuất giá trị thặng dư là mục tiêu và động cơ của từng nhà tư bản cũng như toàn bộ nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Bản chất của giá trị thặng dư tư bản chủ nghĩa thể hiện quan hệ bóc lột giữa người sở hữu tư liệu sản xuất và người sở hữu hàng hoá sức lao động, hay nói cách khác giữa nhà tư bản và người làm thuê.

Nhờ có thuyết giá trị thặng dư mà toàn bộ bí mật của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã được vạch trần, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được nêu ra một cách chính xác, trong đó có ba phương pháp sản xuất chính đó là: phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối, phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư siêu ngạch. Có thể nói, phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và tương đối được áp dụng rộng rãi nhất, nhằm

tạo ra tư bản để tích lũy và tái mở rộng sản xuất, đưa xã hội tư bản ngày càng phát triển. Mỗi hương pháp cũng được áp dụng và đại diện cho một số trình độ khác nhau của giai cấp tư sản, cũng như giai đoạn lịch sử khác nhau của xã hội.

NỘI DUNG

1. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối

Giá trị thặng dư tuyệt đối (theo kinh tế chính trị Mác-Lênin) dùng để chỉ về giá trị thặng dư thu được do kéo dài thời gian lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu, trong khi năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian lao động tất yếu không thay đổi.

Để thu về giá trị thặng dư tuyệt đối, các nhà tư bản tìm mọi cách kéo dài ngày lao động, nhưng ngày lao động có những giới hạn nhất định. Giới hạn trên của ngày lao động do thể chất và tinh thần của người lao động quyết định. Việc kéo dài ngày lao động không thể vượt quá giới hạn sinh lý của công nhân (vì họ còn phải có thời gian ăn, ngủ, nghỉ ngơi, giải trí để phục hồi sức khỏe) nên gặp phải sự phản kháng gay gắt của giai cấp công nhân đòi giảm giờ làm. Còn giới hạn dưới của ngày lao động không thể bằng thời gian lao động tất yếu, tức là thời gian lao động thặng dư bằng không. Như vậy, về mặt kinh tế, ngày lao động phải dài hơn thời gian lao động tất yếu, nhưng không thể vượt quá giới hạn về thể chất và tinh thần của người lao động.

Ta có một ví dụ cụ thể, giả sử một ngày lao động kéo dài 8 giờ, thời gian lao động tất yếu là 4 giờ, thời gian lao động thặng dư là 4 giờ, mỗi giờ công nhân tạo ra một giá trị mới là 10 đơn vị, thì giá trị thặng dư tuyệt đối là 40 và tỷ suất giá trị thặng dư là:

$$m' = \frac{40}{40} * 100\% = 100\%$$

Nếu kéo dài ngày lao động thêm 2 giờ nữa, mọi điều kiện khác vẫn như cũ, thì giá trị thặng dư tuyệt đối tăng lên 60 và m' cũng tăng lên thành:

$$m' = \frac{60}{40} * 100\% = 150\%$$

Như vậy, khi kéo dài tuyệt đối ngày lao động trong điều kiện thời gian lao động tất yếu không thay đổi, thì thời gian lao động thặng dư tăng lên, nên tỷ suất giá trị thặng dư tăng lên. Trước đây, tỷ suất giá trị thặng dư là 100% thì bây giờ là 150%.

2. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối

Việc kéo dài ngày lao động bị giới hạn về thể chất và tinh thần của người lao động và vấp phải cuộc đấu tranh càng mạnh mẽ của giai cấp công nhân. Mặt khác, khi xuất tư bản chủ nghĩa phát triển đến giai đoạn đại công nghiệp cơ khí, kỹ thuật tiến bộ làm cho năng suất lao động tăng lên nhanh chóng, thì các nhà tư bản chuyển sang phương thức bóc lột dựa trên cơ sở tăng năng suất động, bóc lột giá trị thặng dư tương đối.

Giá trị thặng dư tương đối là giá trị thặng dư được tạo ra do rút ngắn thời gian lao động tất yếu bằng cách nâng cao năng suất lao động xã hội, nhờ đó tăng thời gian lao động thặng dư lên ngay trong điều kiện độ dài ngày lao động vẫn như cũ.

Cũng với ví dụ như trên, giả định rằng ngày lao động không thay đổi, nhưng bây giờ công nhân chỉ cần 3 giờ lao động đã tạo ra được một lượng giá trị mới bằng với giá trị sức lao động của mình. Do đó, tỷ lệ phân chia ngày lao động sẽ thay đổi: 3 giờ là thời gian lao động tất yếu và 5 giờ là thời gian lao động thặng dư. Đó đó bây giờ tỷ suất thặng dư sẽ là:

$$m' = \frac{50}{30} * 100\% = 166\%$$

3. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư siêu ngạch

Giá trị thặng dư siêu ngạch là phần giá trị thặng dư thu được do áp dụng công nghệ mới sớm hơn các xí nghiệp khác làm cho giá trị cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị thị trường của nó. Do đó các nhà tư bản chỉ phải bỏ ra ít chi phí hơn các nhà tư bản khác mà vẫn bán được với giá như các nhà tư bản khác, từ đó thu được giá trị thặng dư cao hơn. Khi số đông các xí nghiệp đều đổi mới kỹ thuật và công nghệ một cách phổ biến thì giá trị thặng dư siêu ngạch của doanh nghiệp đó không còn nữa. Giá trị thặng dư siêu ngạch là động lực mạnh nhất để thúc đẩy các nhà tư bản đổi mới công nghệ để tăng năng suất lao động cá biệt, đánh bại đối thủ của mình trong cạnh tranh.

Ta xét một ví dụ, có 4 doanh nghiệp A B C D ta xét trên 2 tiêu chí là thời gian lao động cá biệt và thời gian lao động xã hội cần thiết:

- Thời gian lao động cá biệt: Doanh nghiệp A: 2 giờ, Doanh nghiệp B: 4 giờ, Doanh nghiệp C: 6 giờ, Doanh nghiệp D: 8 giờ
- Thời gian lao động xã hội cần thiết : 5 giờ

Ta thấy doanh nghiệp A hoàn thành sản phẩm sớm hơn 3 giờ , do đó doanh nghiệp A thu được khoảng lợi nhuận khá lớn. Khoảng lợi nhuận này gọi là giá trị thặng dư siêu ngạch. Cùng thời điểm đó ta thấy doanh nghiệp D bị lỗ nặng vì thời gian làm ra sản phẩm của họ chậm 3 giờ, dẫn đến nguy cơ phá sản. Do đó doanh nghiệp D suy nghĩ đến thay đổi công nghệ, chuyển giao kỹ thuật hiện đại hơn vào quá trình sản xuất, do đó thời gian lao động có sự thay đổi:

- Thời gian lao động cá biệt: Doanh nghiệp A: 2 giờ, Doanh nghiệp B: 4 giờ, Doanh nghiệp C: 6 giờ, Doanh nghiệp D: 1 giờ
- Thời gian lao động xã hội cần thiết : 3,25 giờ

Cứ như thế các nhà tư bản lần lượt thay đổi quá trình sản xuất của mình làm thế nào để tránh nguy cơ phá sản và sản xuất giá trị thặng dư siêu ngạch. Giá trị thặng dư siêu ngạch mang lại rất nhiều lợi nhuận cho nhà tư bản nhưng cũng chính giá trị này khiến cho một số nhà tư bản khác đứng trên bờ vực phá sản.

4. Ý nghĩa thực tiễn

Học thuyết về giá trị thặng dư của C.Mác được ra đời trên cơ sở từ việc nghiên cứu, tìm hiểu rõ các phương thức sản xuất của chủ nghĩa tư bản. Với việc ra đời học thuyết này đã vạch trần, làm rõ thực chất sự bóc lột tư bản chủ nghĩa, là cội nguồn của việc đối lập kinh tế giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, cơ sở vũ trang của giai cấp vô sản và lý luận cách mạng sắc bén trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, ý nghĩa thực tiễn mà học thuyết giá trị thặng dư này đem lại không chỉ dừng ở đó. Học thuyết này còn có ý nghĩa thực tiễn vô cùng quan trọng trong hiện nay và đặc biệt đối với quan điểm đổi mới về chủ nghĩa xã hội và cụ thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Việc vận dụng các nội dung của học thuyết giá trị thặng dư là một yêu cầu cần thiết và quan trọng nhằm đảm bảo tính phù hợp và khoa học, đồng thời phù hợp với thực tiễn của Việt Nam.

Có thể thấy rõ trên học thuyết và thực tế thì giá trị thặng dư là nguồn cấu thành động lực để tăng trưởng và phát triển kinh tế, nhất là đối với nền sản xuất xã hội. Tuy nhiên, vấn đề được quan tâm là giá trị thặng dư được sản xuất ra này nhằm phục vụ cho ai, cho nhân dân hay xã hội...? Vấn đề này thuộc về ngay từ góc độ nhận thức, do đó, cần quán triệt và làm rõ một số nội dung chính sau:

Thứ nhất, để có thể tạo ra được giá trị thặng dư thì người công nhân, người lao động phải đạt được một năng suất lao động nhất định phù hợp với một độ dài ngày lao động nhất định và cường độ lao động nhất định. Khi muốn tạo ra và tăng thêm

nguồn giá trị thặng dư thì phải kết hợp, thực hiện đồng thời làm việc với cường độ lao động phù hợp song song với việc tăng năng suất lao động kèm theo đó phải lao động làm việc đủ giờ lao động trong ngày quy định.

Thứ hai, phải tập trung nhấn mạnh, coi trọng việc tăng năng suất lao động và trước hết là ở những ngành sản xuất tư liệu sản xuất và những ngành thuộc sản xuất tư liệu sinh hoạt. Thời gian lao động cần thiết ở đây chính là thời gian bù lại những giá trị của tư liệu sinh hoạt cần thiết nhằm mở rộng, tái sản xuất sức lao động. Do vậy, muốn nhanh chóng rút ngắn thời gian lao động xã hội cần thiết dẫn đến kéo dài thêm thời gian lao động thặng dư để làm tăng giá trị thặng dư thì cần phải hạ thấp giá của tư liệu sinh hoạt bằng cách làm tăng năng suất lao động và trước hết là ở những ngành sản xuất tư liệu về sinh hoạt để từ đó cải thiện hơn nữa đời sống của người lao động, góp phần làm tăng giá trị thặng dư tương đối nhằm tăng thêm nguồn tích lũy để có thể tiếp tục mở rộng tái sản xuất và đầu tư thêm vào nhiều các ngành nghề khác nhau theo mong muốn.

Thứ ba, cần nhận thức rõ ràng và đúng đắn về vai trò, tầm quan trọng của nhân tố vật chất và nhân tố con người trong quá trình sản xuất nhằm tạo ra giá trị thặng dư. Quá trình sản xuất hàng hóa là sự thống nhất giữa quá trình lao động và quá trình làm tăng giá trị. Quá trình lao động của công nhân lao động tạo ra các giá trị sử dụng. Sức sản xuất lao động của người công nhân lao động càng cao thì sẽ càng tạo ra được nhiều giá trị sử dụng trong một đơn vị thời gian nhất định. Sức sản xuất của người lao động được quyết định, chi phối bởi nhiều những yếu tố khác nhau như mức độ áp dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất, trình độ khéo léo trung bình của công nhân ... Bởi vậy, muốn có nhiều của cải, nhiều giá trị sử dụng cần phải coi trọng giáo dục đào tạo, coi trọng khoa học công nghệ, cải tiến tổ chức và quản lý.

Thứ tư, trong thời kỳ quá độ nền kinh tế ở nước ta, trong một chừng mực nào đó, quan hệ bóc lột chưa thể bị xóa bỏ ngay lập tức, sạch trơn theo những cách tiếp cận giáo điều và cứng nhắc như cũ. Nền kinh tế nhiều thành phần ngày càng phát triển thì càng cho thấy rõ rằng cho tới khi nào quan hệ bóc lột còn có tác dụng là giải phóng được sức sản xuất và thúc đẩy được lực lượng sản xuất phát triển thì cho tới khi đó, dù không muốn nhưng vẫn còn phải chấp nhận sự hiện diện của nó trong nền sản xuất.

Thứ năm, mặt khác, cũng phải bảo vệ những quyền chính đáng của cả người lao động lẫn giới chủ sử dụng lao động bằng luật và bằng các chế tài thật cụ thể mới bảo đảm công khai, minh bạch và bền vững. Những mâu thuẫn về lợi ích trong quá trình sử dụng lao động là một thực tế, việc phân xử các mâu thuẫn ấy như thế nào để tránh những xung đột không cần thiết cũng lại là một yêu cầu cấp thiết hiện nay, thể hiện trong bản chất của chế độ mới. Bảo vệ được những quyền lợi chính đáng, những quyền lợi được luật pháp bảo vệ, của tất cả các bên trong quan hệ lao động là một bảo đảm cho việc vận dụng một cách hợp lý quan hệ bóc lột trong điều kiện hiện nay, đồng thời cũng là những đóng góp cơ bản nhất cho cả quá trình hoàn thiện và xây dựng mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

5. Mâu thuẫn giữa LLSX và QHSX trong thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta

Lịch sử phát triển của sản xuất loài người là lịch sử phát triển của các PTSX kế tiếp nhau. PTSX là sự thống nhất biện chứng giữa LLSX và QHSX đó là cách thức sản xuất ra của cải vật chất mà trong đó LLSX đạt đến một trình độ nhất định, thống nhất với QHSX tương ứng với nó. Theo định nghĩa trên xã hội ngày càng phát triển thì mối quan hệ giữa QHSX và LLSX là không thể tách rời, đây là

quy luật chung của sự phát triển và là một trong những quy luật quan trọng quy định sự tồn tại, phát triển và tiến bộ xã hội.

Mặc dù vậy trong thực tế, hai nhân tố QHSX và LLSX đã làm nảy sinh những mâu thuẫn giữa chúng . Và sự mâu thuẫn này ngày càng trở nên gay gắt làm cho nền kinh tế nước ta ở trong tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng trong một thời gian dài.

Sau 30/4/1975 nước ta hoàn toàn giải phóng, chúng ta đã đạt được những thành tựu trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh. Tuy nhiên nền kinh tế nước ta vẫn là nền kinh tế nông nghiệp kém phát triển mang nặng tính tự cấp, tự túc. Trang bị kỹ thuật và kết cấu xã hội yếu kém, cơ cấu kinh tế mất cân đối, cơ cấu kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp để lại nhiều hậu quả nặng nề . Nền kinh tế kém hiệu quả, năng suất lao động thấp, khủng hoảng kinh tế kéo dài, các tệ nạn tham nhũng... lan rộng, Đảng cộng sản còn non trẻ, đội ngũ cán bộ còn yếu về năng lực, các thế lực đế quốc và phản động ráo riết thực hiện chiến lược diễn biến hoà bình, phá hoại và bao vây kinh tế... Nếp sống văn hoá , đạo đức bị xói mòn, lòng tin vào Đảng và Nhà nước bị giảm sút.

Thực trạng trên có nguồn gốc sâu xa do lịch sử để lại và hậu quả của nhiều năm chiến tranh, song chủ yếu là chúng ta đã vi phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm các quy luật khách quan trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong tiến hành công nghiệp hoá và trong cơ chế quản lý kinh tế đặc biệt là sự phù hợp giữa LLSX và QHSX. Chúng ta đã sai lầm khi tiến hành xây dựng QHSX tiên tiến rồi mới thúc đẩy lựa chọn LLSX phát triển, biến đổi. Sự biến đổi đó bao giờ cũng bắt đầu bằng sự biến đổi và phát triển của LLSX. LLSX biến đổi dẫn đến mâu thuẫn gay gắt với QHSX hiện có và xuất hiện một đòi hỏi khách quan là xoá bỏ QHSX cũ, thay bằng kiểu QHSX mới thích ứng với một trình độ phát triển mới của

LLSX. C.Mác viết : "Tới một giai đoạn phát triển nào đó các LLSX vật chất xã hội sẽ mâu thuẫn với QHSX hiện có, mà trong đó từ trước đến nay các LLSX vẫn phát triển. Từ chỗ là hình thức phát triển của các LLSX, những QHSX ấy trở thành xiềng xích của các LLSX . Khi đó bắt đầu thời đại của một cuộc cách mạng xã hội". Kết quả là đã tạo ra cho chúng ta một nhận thức bản chất của phép biện chứng giữa LLSX và QHSX trong phạm vi hình thái kinh tế xã hội mới sẽ không chứa đựng sự tác động qua lại lẫn nhau, không còn tồn tại mâu thuẫn biện chứng giữa chúng mà sự lựa chọn dần dần LLSX cho phù hợp với khoảng không gian rộng lớn của QHSX.

Trước tình hình trên đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã đề ra việc tiến hành công cuộc đổi mới kinh tế là đúng đắn: "Phải kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị".

KẾT LUẬN

Có thể thấy học thuyết về giá trị thặng dư đã vạch trần, làm rõ thực chất sự bóc lột tư bản chủ nghĩa, là cội nguồn của việc đối lập kinh tế giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, cơ sở vũ trang của giai cấp vô sản và lý luận cách mạng sắc bén trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên ý nghĩa học thuyết giá trị thặng dư này đem lại không chỉ dừng ở đó, mà còn có ý nghĩa ở thực tại. Trong thực tế, sự phản ánh của học thuyết giá trị thặng dư đã đem lại rất nhiều lợi thế cho tầng lớp lao động, việc đưa ra những chính sách, luật lao động đã giúp bảo vệ người lao động, tránh việc bóc lột sức lao động, làm việc quá thời gian quy định. Bảo vệ được những quyền lợi chính đáng, những quyền lợi được luật pháp bảo vệ, của tất cả các bên trong quan hệ lao động là một bảo đảm cho việc vận dụng một cách hợp lý quan hệ bóc lột trong điều kiện hiện nay, đồng thời cũng là những đóng góp cơ bản nhất cho cả quá trình hoàn thiện và xây dựng mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

THAM KHẢO

- [1] *100 câu hỏi và bài tập kinh tế chính trị Mác – Lênin* (2008), An Như Hải, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [2] *Chính trị, Bộ Giáo dục và Đào tạo* (2004), Chủ biên: Lê Thế Lạng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội .
- [3] *Giáo trình Kinh tế học Chính trị Mác – Lê nin* (2005), Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [4] *Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư* (2021), Viện pháp luật ứng dụng Việt Nam.
- [5] *Kinh tế Chính trị Mác – Lênin* (2007), Vũ Anh Tuấn, Phạm Quang Phân, Tô Đức Hạnh, Nhà xuất bản Tổng hợp, thành phố Hồ Chí Minh.
- [6] Wikipedia.